

PHỤ LỤC I : BẢNG TỶ LỆ TRẢ TIỀN THƯƠNG TẬT
(Áp dụng cho quyền lợi Bảo hiểm Tai nạn cá nhân)

Quyền lợi	Tỷ lệ trả tiền
I – CHẾT -----	100%
II – THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ VĨNH VIỄN	
1. Mất hoặc mù hoàn toàn 2 mắt-----	100%
2. Rối loạn tâm thần hoàn toàn không thể chữa được -----	100%
3. Hông toàn bộ chức năng nhai và nói-----	100%
4. Mất hoặc liệt hoàn toàn 2 tay (từ vai hoặc khuỷu xuống) Hoặc 2 chân (từ hông hoặc đầu gối xuống)-----	100%
5. Mất cả hai bàn tay hoặc hai bàn chân hoặc mất một cánh tay hoặc một bàn chân hoặc mất một cánh tay và một cẳng chân hoặc một bàn tay và một cẳng chân hoặc một bàn tay và một bàn chân-----	100%
6. Mất hoàn toàn khả năng lao động mà không thể làm bất cứ việc gì (toàn bộ bị tê liệt, bị thương dẫn đến tình trạng nằm liệt giường hoặc dẫn đến tàn tật toàn bộ vĩnh viễn)-----	100%
7. Cắt toàn bộ một bên phổi và một phần phổi bên kia-----	100%
III – THƯƠNG TẬT BỘ PHẬN VĨNH VIỄN	
CHI TRÊN	
8. Mất một cánh tay từ vai xuống (tháo khớp vai)-----	75-85%
9. Cắt cụt cánh tay từ dưới vai xuống-----	70-80%
10. Cắt cụt một cánh tay từ khuỷu xuống (tháo khớp khuỷu)-----	65-75%
11. Mất trọn một bàn tay hoặc toàn bộ cả 5 ngón tay-----	60-70%
12. Mất đồng thời cả bốn ngón tay của một bàn tay -----	40-50%
13. Mất đồng thời cả ngón cái và ngón trỏ -----	35-45%
14. Mất 3 ngón: 3 - 4 - 5-----	30-35%
15. Mất ngón cái và 2 ngón khác-----	35-40%
16. Mất ngón cái và một ngón khác -----	30-35%
17. Mất ngón trỏ và hai ngón khác-----	35-40%
18. Mất ngón trỏ và một ngón giữa -----	30-35%

19. Mất trọn ngón cái và đốt bàn-----	25-30%
Mất trọn ngón cái-----	20-25%
Mất cả đốt ngoài-----	10-15%
Mất nửa đốt ngoài-----	07-10%
20. Mất ngón trỏ và đốt bàn-----	20-25%
Mất ngón trỏ-----	18-22%
Mất hai đốt 2 và 3-----	10-12%
Mất đốt 2-----	08-10%
21. Mất trọn ngón giữa hoặc ngón nhẫn	
(bao gồm cả đốt bàn)-----	18-22%
Mất trọn ngón giữa hoặc ngón nhẫn-----	15-18%
Mất hai đốt 2 và 3-----	08-12%
Mất đốt 2-----	04-07%
22. Mất cả ngón út và đốt bàn-----	15-20%
Mất cả ngón út-----	10-15%
Mất hai đốt 2 và 3-----	08-10%
Mất đốt 2-----	04-07%
23. Cứng khớp bả vai-----	30-40%
24. Cứng khớp khuỷu tay-----	25-35%
25. Cứng khớp cổ tay-----	20-30%
26. Gãy tay can lệch hoặc mất xương làm chi ngắn trên 3cm và chức năng quay sấp ngửa hạn chế hoặc tạo thành khớp giả-----	25-35%

CHI DƯỚI

27. Mất một chân từ háng xuống (tháo khớp không một đùi)-----	75-85%
28. Cắt cụt một đùi	
1/3 trên-----	70-80%
1/3 giữa hoặc dưới-----	55-75%
29. Cắt cụt một chân từ gối xuống (tháo khớp gối)-----	60-70%
30. Tháo khớp cổ chân hoặc mất một bàn chân-----	55-65%
31. Mất xương sên-----	35-40%
32. Mất xương gót-----	35-45%
33. Mất đoạn xương chày, mác gây khớp giả cẳng chân-----	35-45%

34. Mất đoạn xương mác -----	20-30%
35. Mất mắt cá chân: Mắt cá ngoài -----	10-15%
Mắt cá trong -----	15-20%
36. Mất cả 5 ngón chân -----	45-55%
37. Mất 4 ngón chân bao gồm cả ngón cái -----	38-48%
38. Mất bốn ngón trừ ngón cái -----	35-45%
39. Mất ba ngón 3 – 4 – 5 -----	25-30%
40. Mất ba ngón 1 – 2 – 3 -----	30-35%
41. Mất một ngón cái và ngón 2 -----	20-25%
42. Mất một ngón cái -----	15-20%
43. Mất một ngón ngoài ngón cái -----	10-15%
44. Mất một đốt ngón cái -----	08-12%
45. Cứng khớp hông -----	45-55%
46. Cứng khớp gối -----	30-40%
47. Mất phần lớn xương bánh chè và giới hạn nhiều khả năng duỗi cẳng chân trên đùi -----	45-55%
48. Gãy chân can lệch hoặc mất xương làm ngắn chi	
Ít nhất 5 cm -----	40-45%
Từ 3 đến 5 cm -----	35-40%
49. Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo ngoài -----	35-45%
50. Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo trong -----	25-35%

CỘT SỐNG

51. Cắt bỏ cung sau của một đốt sống -----	35-40%
của 2 – 3 đốt sống trở lên -----	45-60%

SỌ NÃO

52. Khuyết xương sọ (chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần) gây ra đau đầu kéo dài -----	35-45%
--	--------

LÔNG NGỰC

53. Cắt bỏ 1 -2 xương sườn -----	15-20%
54. Cắt bỏ từ 3 xương sườn trở lên -----	25-35%
55. Cắt bỏ đoạn mỗi xương sườn -----	08-10%
56. Cắt toàn bộ một bên phổi -----	70-80%
57. Cắt nhiều thùy phổi ở 2 bên, DTS giảm trên 50% -----	65-75%

58. Cắt nhiều thùy phổi ở 2 bên ----- 50-60%
59. Cắt một thùy phổi ----- 35-45%

BỤNG

60. Cắt toàn bộ dạ dày ----- 75-85%
61. Cắt đoạn dạ dày ----- 50-60%
62. Cắt gần hết ruột non (còn lại dưới 1 m) ----- 75-85%
63. Cắt đoạn ruột non ----- 40-50%
64. Cắt toàn bộ đại tràng ----- 75-85%
65. Cắt đoạn đại tràng ----- 50-60%
66. Cắt bỏ gan phải Quy tắc thuận ----- 70-80%
67. Cắt bỏ gan trái Quy tắc thuận ----- 60-70%
68. Cắt phần thùy gan, tùy vị trí, số lượng và kết quả phẫu thuật ----- 40-60%
69. Cắt bỏ túi mật ----- 45-55%
70. Cắt bỏ lá lách ----- 40-50%
71. Cắt bỏ đuôi tụy, lách ----- 60-70%

CƠ QUAN TIẾT NIỆU, SINH DỤC

72. Cắt bỏ một thận, thận còn lại bình thường ----- 50-60%
73. Cắt bỏ một thận, thận còn lại bị thương hoặc bệnh lý ----- 70-80%
74. Cắt một phần thận trái hoặc phải ----- 30-40%
75. Cắt một phần bàng quang ----- 27-35%
76. Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người:
 Dưới 55 tuổi chưa có con ----- 70-80%
 Dưới 55 tuổi đã có con ----- 55-65%
 Trên 55 tuổi ----- 35-40%
77. Cắt bỏ dạ con và buồng trứng ở người:
 Dưới 45 tuổi chưa có con ----- 60-70%
 Dưới 45 tuổi đã có con ----- 30-40%
 Trên 45 tuổi ----- 25-30%
78. Cắt vú ở nữ:
 Dưới 45 tuổi: một bên ----- 20-30%
 hai bên ----- 45-55%

